

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/DS-ST

Ngày 18-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Kim Thanh

2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Địa chỉ: Đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/4/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24, ngày 26/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1985 (Có mặt)

2. Ông Lê Thượng L (Có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn H (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo quyết định ủy quyền số 1802/QĐ-BIDV.AG, ngày 18/11/2020)

- Bị đơn:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn X:

1. Bà Đào Thị T, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Đường Z, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Bà Trần Tú P, sinh năm 1971;

3. Bà Trần Lai A, sinh năm 1998;

4. Bà Trần Lai T, sinh năm 1999;

5. Trần Lai N, sinh năm 2003;

6. Trần Lai L, sinh năm 2001;

7. Trần Lai P2, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đường T, khóm X, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Đường X, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của các ông/bà T, Lai A, Lai T, Lai N, Lai L, Lai P2: Bà Trần Tú P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đường T, khóm X, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: đường X, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/5/2020). (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Tú P, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường T, khóm X, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Bà Phan Tú P1, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Đường C, tổ Z, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi là Ngân hàng) có cho ông Trần Văn X vay tổng số tiền 14.000.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/554224/HĐTD, ngày 22/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang và ông Trần Văn X; số tiền vay theo hợp đồng 7.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày 22/6/2016

đến 22/5/2017; Lãi suất trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích sử dụng bổ sung vốn chăn nuôi cá tra hàm; Phương thức trả lãi hàng tháng; Phương thức trả gốc: trả nợ gốc vào ngày 22/5/2017, lãi trả định kỳ 03 tháng/lần; Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có tài sản bảo đảm.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/554224/HĐTD, ngày 23/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang và ông Trần Văn X; số tiền vay theo hợp đồng 2.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày 23/6/2016 đến 23/5/2017; Lãi suất trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích sử dụng bổ sung vốn chăn nuôi cá tra hàm; Phương thức trả lãi hàng tháng; Phương thức trả gốc: trả nợ gốc vào ngày 23/5/2017, lãi trả định kỳ 03 tháng/lần; Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có tài sản bảo đảm.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/554224/HĐTD, ngày 12/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang và ông Trần Văn X; số tiền vay theo hợp đồng 5.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày 12/01/2017 đến 12/12/2017; Lãi suất trong hạn là 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích sử dụng bổ sung vốn chăn nuôi cá tra hàm; Phương thức trả lãi hàng tháng; Phương thức trả gốc: trả nợ gốc vào ngày 12/12/2017, lãi trả định kỳ 03 tháng/lần; Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay có tài sản bảo đảm. Quá trình thực hiện, ông Trần Văn X có đề nghị điều chỉnh lãi suất cho vay và được Ngân hàng chấp thuận, theo đó lãi suất áp dụng đối với khoản vay của ông X được điều chỉnh còn 7,5%/năm, tính từ ngày 22/9/2017 (theo Công văn số 1454/BIDV.AG-KHCN, ngày 26/9/2017 của Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang).

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông Trần Văn X, bà Trần Tú P và bà Phan Tú P1 thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 được Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 15/7/2015 và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 15/7/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/554224/SĐBS, ngày 22/6/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang và ông Trần Văn X, bà Trần Tú P.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 114 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BK 618643, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH08234 do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 31/10/2012 cho ông Trần Văn X và bà Trần Tú P.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 được Văn phòng Công chứng quận 8 chứng nhận ngày 16/7/2015 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận 8 chứng nhận đăng ký thế chấp

ngày 17/7/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/554224/SĐBS, ngày 22/6/2016 được ký kết giữa ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang và ông Trần Văn X, bà Trần Tú P.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 395365; đất tọa lạc tại số 51, đường 320 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Văn X và bà Trần Tú P đứng tên.

Ngày 26/01/2018, ông X đã bán tài sản thế chấp tại số 51, đường 320 Bông Sao, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.950.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 01/2016/554224/HĐTD, ngày 22/6/2016 nên Ngân hàng đã tiến hành giải chấp tài sản này trước khi khởi kiện. Vì vậy, đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 thì Ngân hàng không yêu cầu duy trì.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 được Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 26/6/2014 và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C (nay là thành phố C) ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 26/6/2014 ; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/4039595/SĐBS, ngày 28/7/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2016/4039595/SĐBS, ngày 23/6/2016 được ký kết giữa ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang với bên thế chấp bà Phan Tú P1 và bên được bảo đảm ông Trần Văn X. Tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 156 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 320715, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05539aE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 13/8/2010 cho bà Phan Tú P1.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 174,4 m² và căn nhà gắn liền với đất có diện tích 197,3 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 320714, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05538aE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 13/8/2010 cho bà Phan Tú P1.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015 được Văn phòng Công chứng C công chứng ngày 24/12/2015 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C ký chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 24/12/2015; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/554224/SĐBS, ngày 12/01/2017 được ký kết giữa ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang với bên thế chấp ông Trần Văn X và bà Trần Tú P. Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 89,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AA 323856, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01292/QSĐĐ/Ba do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 26/10/2004 cho ông Trần Văn X và bà Trần Tú P, kèm Hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Quản lý Phát triển đô thị thị xã C (nay là thành phố C) lập ngày 15/7/2004.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 89,2 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AA 323857, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01293/QSĐĐ/Ba do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 26/10/2004 cho ông Trần Văn X và bà Trần Tú P, kèm Hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng Quản lý Phát triển đô thị thị xã C (nay là thành phố C) lập ngày 15/7/2004.

+ Căn nhà gắn liền với 02 quyền sử dụng đất nêu trên (quyền sử dụng đất có diện tích 89,4 m² và quyền sử dụng đất có diện tích 89,2 m²) có diện tích 568,3 m² theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 898843031900137 do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 07/01/2008 cho ông Trần Văn X và bà Trần Tú P.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 122,9 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 442904, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00427 QSĐĐ/Bb do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 19/4/2001, đính kèm Hồ sơ kỹ thuật khu đất số 405/CĐ2001 do Sở Địa chính An Giang lập ngày ngày 09/4/2001 cho bà Trần Tú P.

Quá trình xác lập Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông X thanh toán nợ, nhưng ông X không trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Đến ngày 26/12/2018 thì ông X chết (theo trích lục khai tử số 85/TLKT-BS, ngày 17/01/2019 của UBND phường Châu Phú A, thành phố C, An Giang) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X gồm các ông/bà: Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả tiền lãi còn nợ là 3.186.309.778 đồng, trong đó: lãi trong hạn 114.212.778 đồng và lãi quá hạn 3.072.097.000 đồng.

Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số: 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 được ký kết giữa ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang với bên thế chấp bà Phan Tú P1 và bên được bảo đảm ông Trần Văn X để đảm bảo thi hành án.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản; Các biên bản định giá tài sản; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Tờ thỏa thuận giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là ông Trần Văn X, bà Trần Tú P và bà Phan Tú P1; Bảng kê rút vốn.

Tại phiên tòa, ông Lê Thượng L trình bày theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết Ngân hàng yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông X phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2019 là 11.626.627.773 đồng, trong đó: vốn 8.050.000.000 đồng, lãi 3.576.627.773 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 01/01/2020 đến khi thanh toán xong số nợ. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp: số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/554224/SĐBS, ngày 22/6/2016; số 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/4039595/SĐBS, ngày 28/7/2015, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2016/4039595/SĐBS, ngày 23/6/2016; số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/554224/SĐBS, ngày 12/01/2017.

Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.968.000.000 đồng, trong đó: vốn 8.050.000.000 đồng và lãi 918.000.000 đồng nên Ngân hàng đã giải chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 và số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015. Nay, Ngân hàng xác định rút lại đối với yêu cầu thanh toán nợ vốn 8.050.000.000 đồng và duy trì các hợp đồng thế chấp số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/554224/SĐBS, ngày 22/6/2016; hợp đồng thế chấp số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/554224/SĐBS, ngày 12/01/2017 vì đã thanh toán và được giải chấp xong.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tổ tụng hợp lệ nhưng bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Tú Phuong đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, bà Trần Tú P tiếp tục vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Tú P1 trình bày tại phiên làm việc ngày 02/7/2020: Bà có ký Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2016/4039595/SĐBS, ngày 23/6/2016 để bảo đảm khoản vay của ông Trần Văn X như Ngân hàng trình bày. Tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất, cụ thể: Quyền sử dụng đất có diện tích 156 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 320715, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05539aE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 13/8/2010; Quyền sử dụng đất có diện tích 174,4 m² và căn nhà gắn liền với đất có diện tích 197,3 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 320714, số vào sổ cấp giấy

chứng nhận CH05538aE do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang cấp ngày 13/8/2010 cho bà. Bà Phan Tú P1 xác định hiện tài sản thế chấp do bà quản lý và sử dụng. Nay, ông X đã chết. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X phải thanh toán nợ, bà đồng ý bán tài sản của bà để thanh toán số nợ 2.000.000.000 đồng, nhưng xin cho thời gian để bà thu xếp và kê bán tài sản. Tại phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Phan Tú P1 vắng mặt.

Về hiện trạng tài sản thế chấp đương sự có mặt thống nhất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân thành phố C thực hiện trong quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông X gồm các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả số tiền lãi còn nợ 3.186.309.778 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu trả vốn gốc và yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 và hợp đồng thế chấp số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015 do Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số: 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn X gồm các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2. Mặc dù họ cư trú tại thành phố C, tỉnh An Giang nhưng theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang và ông Trần Văn X trường hợp phát sinh tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang nên

Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn X có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang để vay tổng số tiền 14.000.000.000 đồng và để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông Trần Văn X, bà Trần Tú P và bà Phan Tú P1 ký các hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày.

Quá trình thực hiện, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông X thanh toán nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng, nhưng ông X không thực hiện. Đến ngày 26/12/2018 thì ông X chết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông X gồm các ông/bà: Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả tiền lãi còn nợ là 3.186.309.778 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số: 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang với bên thế chấp bà Phan Tú P1 và bên được bảo đảm ông Trần Văn X để đảm bảo cho việc thi hành án.

Quá trình giải quyết, bà Trần Tú P là bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà P cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, gồm: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản; Các biên bản định giá tài sản; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Tờ thỏa thuận giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là ông Trần Văn X, bà Trần Tú P và bà Phan Tú P1; Bảng kê rút vốn để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền lãi còn nợ là 3.186.309.778 đồng.

Về yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp, xét thấy, Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 đã thực hiện đúng quy định của luật về đăng ký thế chấp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của

Bộ luật tổ tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc hàng thừa kế của ông X thanh toán nợ vốn 8.050.000.000 và yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/554224/SĐBS, ngày 22/6/2016; hợp đồng thế chấp số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/554224/SĐBS, ngày 12/01/2017.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã tạm ứng là 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: Các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 phải chịu 95.726.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP P được nhận lại 59.813.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000702, ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Buộc các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 3.186.309.778 đ (ba tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2014/4039595/HĐBĐ, ngày 26/6/2014 được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh An Giang với bên thế chấp bà Phan Tú P1 và bên được bảo đảm ông Trần Văn X để đảm bảo thi hành án.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc hàng thừa kế của ông X thanh toán nợ vốn 8.050.000.000 đồng và yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp số 01/2015/554224/HĐBĐ, ngày 14/7/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/554224/SĐBS, ngày 22/6/2016; hợp đồng thế chấp số 03/2015/554224/HĐBĐ, ngày 24/12/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/554224/SĐBS, ngày 12/01/2017.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: buộc các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã tạm ứng là 1.100.000 đồng (một triệu, một trăm nghìn đồng).

- Về án phí: các ông/bà Đào Thị T, Trần Tú P, Trần Lai T, Trần Lai A, Trần Lai N, Trần Lai L và Trần Lai P2 phải chịu 95.726.000 đồng (chín mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại số tiền 59.813.000 đồng (năm mươi chín triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000702, ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPL;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPL;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thị Chiền